TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ K
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 74/2018/DS-ST
Ngày: 22 - 11 - 2018
V/v "Tranh chấp hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Ngọc Anh.

Bà Nguyễn Thị Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã K, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Kho - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 131/2018/TLST-DS, ngày 28 tháng 8 năm 2018 và thụ lý bổ sung số 131a/2018/TLST-DS, ngày 01 tháng 10 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2018/QĐXXDS-ST ngày 16 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Võ Quốc K (tên thường gọi là T), sinh năm 1981.

Địa chỉ: Khu phố 3, phường 3, thị xã K, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị Tố N, sinh năm 1980.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lê Thanh T, sinh năm 1979.

Cùng địa chỉ: Khu phố 3, phường 3, thị xã K, tỉnh Long An.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Trần Văn T (tên thường gọi là D), sinh năm 1967.

Địa chỉ: Đường N, khu phố 1, phường 3, thị xã K, tỉnh Long An.

2. Bà Ngô Thị Ngọc B (tên thường gọi là N), sinh năm 1985.

Địa chỉ: Khu phố 3, phường 3, thị xã K, tỉnh Long An.

Ông K có mặt; bà N và ông T vắng mặt không có lý do; ông T và bà B có đơn đề nghị vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện của ông Võ Quốc K và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Ông Võ Quốc K trình bày: Ông Lê Thanh T và bà Trần Thị Tố N là vợ chồng hợp pháp. Hiện nay, quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà N vẫn còn tồn tại. Vào năm 2017, ông K có tham gia chơi 03 dây hụi tuần, tháng do bà N đứng ra làm chủ thảo đối với loại hụi 1.000.000 đồng/phần/tháng, mỗi tháng khui một lần và loại hụi 200.000 đồng/phần/tuần, mỗi tuần khui một lần. Ông K đã đóng 03 dây hụi được số tiền gốc tổng cộng 18.865.000 đồng thì bà N tuyên bố bể hụi nhưng không trả lại tiền hụi đã đóng cho ông K. Mục đích bà N đứng ra làm chủ thảo các dây hụi nhằm tìm kiếm lợi nhuận để phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của gia đình ông T và bà N. Khi tham gia chơi hụi, ông K và bà N không cầm cố, thế chấp tài sản gì cho nhau. Nay ông K khởi kiện yêu cầu ông T và bà N phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả cho ông K số tiền gốc đã đóng 03 dây hụi được tổng cộng 18.865.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Lời khai của những người làm chứng – Bà Ngô Thị Ngọc B, ông Trần Văn T khai: Ông K cùng bà B, ông T có tham gia chơi các dây hụi do bà N đứng ra làm chủ thảo. Bà B xác định ông K đã đóng hụi sống 02 dây hụi tuần, tháng cho bà N được tổng số tiền gốc 9.550.000 đồng. Ông T xác định ông K đã đóng hụi sống 01 dây hụi tháng cho bà N được tổng số tiền gốc 9.315.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần ra thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và đã tống đạt hợp lệ đối với ông T và bà N nhưng ông T và bà N không đến tham dự các phiên hòa giải theo quy định pháp luật. Đồng thời, ông T và bà N cũng không gửi văn bản nêu ý kiến về việc ông K khởi kiện yêu cầu ông T và bà N phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của ông K. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn Kho - Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã K, tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Trong quá trình thụ lý vụ án Tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự thủ tục tố tụng quy định như việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng theo các Điều 48, 49, 51 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách những người tham gia tố tụng, việc gửi hồ sơ sang Viện kiểm sát đúng pháp luật, trong xét xử đảm bảo cho các bên thực hiện quyền tranh luận và những người tham gia tố tụng thực

hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, về nội dung vụ việc: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa thì có cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của ông K là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông K, buộc ông T và bà N phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả cho ông K số tiền góp hụi gốc tổng cộng 18.865.000 đồng; buộc ông T và bà N phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền 18.865.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ pháp luật tranh chấp là hợp đồng góp hụi, bị đơn là bà N có địa chỉ tại khu phố 3, phường 3, thị xã K, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã K theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của ông T và bà N tại phiên tòa: Ông T và bà N đã được Tòa án tống đạt, niêm yết hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, nhưng ông T và bà N vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T và bà N là phù hợp theo các Điều 177, 179, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của ông K khởi kiện yêu cầu ông T và bà N phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả cho ông K số tiền góp hụi gốc tổng cộng 18.865.000 đồng là có chứng cứ chứng minh bằng các danh sách chơi hụi do bà N lập, ký tên và được ông Trần Văn T, bà Ngô Thị Ngọc B là những người tham gia chơi hụi chung với ông K xác nhận ông K đã đóng cho bà N 03 dây hụi được số tiền gốc tổng cộng 18.865.000 đồng. Đồng thời, mục đích bà N đứng ra làm chủ thảo các dây hụi nhằm tìm kiếm lợi nhuận để phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của gia đình ông T và bà N. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát và yêu cầu khởi kiện của ông K là buộc ông T và bà N phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả cho ông K số tiền gốc tổng cộng 18.865.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với các Điều 288, 471 của Bộ luật dân sự; các Điều 27, 30, 37 của Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông K được chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại các Điều 3, 6, 24, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông T và bà N phải có nghĩa vụ liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền 18.865.000 đồng nộp sung ngân sách nhà nước; ông K không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 177, 179, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 288, 357, 468, 471 của Bộ luật dân sự; các Điều 27, 30, 37 của Luật hôn nhân gia đình; các Điều 3, 6, 24, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Võ Quốc K, buộc ông Lê Thanh T và bà Trần Thị Tố N phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả cho ông Võ Quốc K số tiền 18.865.000 đồng (mười tám triệu tám trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi bên phải thi hành án thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

2.1 Án phí của vụ án là 943.000 đồng (chín trăm bốn mươi ba nghìn đồng). Buộc ông Lê Thanh T và bà Trần Thị Tố N phải có nghĩa vụ liên đới chịu 943.000 đồng (chín trăm bốn mươi ba nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

2.2 Hoàn trả lại cho ông Võ Quốc K 760.000 đồng (bảy trăm sáu mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0006895 ngày 28 tháng 8 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã K.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt đương sự, báo cho biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thị xã K;
- Chi cục THADS thị xã K;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Kim Diệu